

# PHỤ LỤC 2

35

**PHỤ LỤC 2**  
**HƯỚNG DẪN QUY ĐỔI THỜI GIAN THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC RA GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*(Ban hành kèm theo Chế độ làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1226/QĐ-KHTN ngày 07./ 6../ 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

**1. Thời gian áp dụng**

Phụ lục 2. Hướng dẫn quy đổi thời gian thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ra giờ nghiên cứu khoa học được cập nhật và chỉnh sửa hàng năm.

Phụ lục này được áp dụng cho từng năm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**2. Quy đổi ấn phẩm/sản phẩm khoa học ra giờ nghiên cứu khoa học**

**Bảng 1: Quy đổi số giờ làm việc dưới dạng ấn phẩm/ sản phẩm khoa học**

Stt	Phân loại ấn phẩm/sản phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi
<b>1</b>	<b>Bài báo/báo cáo khoa học</b>	
1.1	Tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus	
a)	Tạp chí xếp hạng Scopus-Q1 thuộc TOP 20 tạp chí hàng đầu được phân loại theo nhóm lĩnh vực, ngành/chuyên ngành của Scimago.	4500
b)	Tạp chí xếp hạng Scopus-Q1 (nhưng không thuộc 1.1a)	3600
c)	Tạp chí xếp hạng Scopus-Q2	3000
d)	Tạp chí xếp hạng Scopus-Q3	2400
e)	Tạp chí xếp hạng Scopus-Q4	1800
f)	Tạp chí thuộc WoS và chưa có trong xếp hạng Scopus-Q1/Q2/Q3/Q4.	1800
1.2	Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục có uy tín, nhưng chưa thuộc danh mục cơ sở dữ liệu WoS/Scopus <i>Tạp chí khoa học thuộc các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới gồm các nhà xuất bản theo xếp hạng hiện hành của WoS, Scopus, nhóm A-B của SENSE, nhóm 100 trường đại học đối với khối khoa học tự nhiên và công nghệ hàng đầu thế giới theo xếp hạng THE Time Higher Education, danh mục của Hội đồng Giáo sư nhà nước.</i>	1500

Stt	Phân loại ấn phẩm/sản phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi
1.3	Các tạp chí thuộc Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ ĐHQG-HCM	900
1.4	Tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm <i>Danh mục tạp chí quốc gia có uy tín là các tạp chí khoa học chuyên ngành được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm tối đa theo từng ngành, liên ngành được công bố hàng năm.</i>	
a)	Tối đa 0,5 điểm.	600
b)	Tối đa 1 điểm.	900
	<b>Ghi chú:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng bảng xếp hạng SJR của SCImago: <a href="https://www.scimagojr.com">https://www.scimagojr.com</a></li> <li>- Sử dụng danh sách thuộc Web of Science: <a href="https://mjl.clarivate.com">https://mjl.clarivate.com</a></li> <li>- Nếu trong năm công bố bài báo khoa học có bảng xếp hạng mới, để khuyến khích và đảm bảo quyền lợi của giảng viên, nghiên cứu viên, việc xếp hạng tạp chí của bài báo tính theo kết quả cao hơn giữa bảng xếp hạng mới được công bố và bảng xếp hạng liền trước.</li> </ul>	
<b>2</b>	<b>Báo cáo khoa học</b>	
2.1	Báo cáo được đăng toàn văn trong kỷ yếu, tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc được bảo trợ bởi các hội/hiệp hội khoa học và công nghệ quốc tế uy tín	
a)	Báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị xếp hạng Rank A*	4500
b)	Báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị xếp hạng Rank A	3600
c)	Báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị xếp hạng Rank B	3000
d)	Báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị xếp hạng Rank C	2400
e)	Báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị thuộc WoS/Scopus còn lại.	1800
	<b>Ghi chú:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng xếp hạng hội nghị theo CORE: <a href="http://portal.core.edu.au/conf-ranks/">http://portal.core.edu.au/conf-ranks/</a></li> </ul>	

Stt	Phân loại ấn phẩm/sản phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu trong năm công bố báo cáo khoa học có bảng xếp hạng mới (theo CORE) được công bố, để khuyến khích và đảm bảo quyền lợi của giảng viên, nghiên cứu viên, việc xếp hạng hội nghị của báo cáo tính theo kết quả cao hơn giữa bảng xếp hạng mới được công bố và bảng xếp hạng liền trước.</li> <li>- Các báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội nghị thuộc Scopus/Web of Science thuộc chương trình chính của hội nghị (được gọi là main conference) được quy đổi với định mức như nhau, không phân biệt oral hay poster, long paper hay short paper.</li> <li>- Đối với các sự kiện ngoài chương trình chính của hội nghị (được gọi là satellite event, chẳng hạn như workshop, challenge, demonstration...), các Báo cáo (long paper, short paper, demo paper, hoặc extended abstract) được đăng trên kỷ yếu hội nghị thuộc Scopus với số trang bất kỳ, hoặc website của đơn vị tổ chức và có từ 4 trang trở lên, có định mức quy đổi bằng 2/3 định mức quy đổi cho báo cáo trong chương trình chính của hội nghị.</li> </ul>	
2.2	Báo cáo được đăng toàn văn trong kỷ yếu, tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức...) có phản biện có mã số chuẩn ISBN	900
2.3	Báo cáo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội thảo quốc tế viết bằng tiếng Việt có phản biện, hội thảo quốc gia có phản biện có mã số chuẩn ISBN	750
2.4	Báo cáo tham luận phục vụ các hội thảo cấp Bộ, tỉnh thành, ĐHQG-HCM, hoặc hội nghị khoa học Trường	
a)	Báo cáo phiên toàn thể.	450
b)	Báo cáo Oral tại tiểu ban.	350
c)	Báo cáo Poster tại tiểu ban.	250

Stt	Phân loại ấn phẩm/sản phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi
2.5	Báo cáo được trình bày trong các hội thảo dành cho doanh nghiệp (có qui mô tham dự từ 50 người trở lên) hoặc bài báo đăng trên giấy trên các báo giấy như Nhân dân, SGGP, Tuổi trẻ, Thanh niên, Lao động, Người lao động... về chuyên môn đóng góp cho xã hội	300
<b>3</b>	<b>Sách và giáo trình</b>	
3.1	Sách, giáo trình xuất bản trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm	
a)	Sách chuyên khảo được xuất bản.	2400
b)	Giáo trình/tài liệu giảng dạy được xuất bản.	1800
c)	Sách tham khảo/tương đương được xuất bản	1500
3.2	Sách xuất bản bằng tiếng nước ngoài hoặc tại nhà xuất bản quốc tế	
a)	Sách chuyên khảo xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín	3600
b)	Sách chuyên khảo	2700
c)	Chương sách chuyên khảo được Scopus ghi nhận	1800
d)	Chương sách chuyên khảo tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín nhưng không được Scopus ghi nhận	1500
e)	Chương sách chuyên khảo (không thuộc 3.1c/d)	900
	<p><i>Ghi chú:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sách phục vụ đào tạo được tính giờ quy đổi phải được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị thành lập, nghiệm thu và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;</li> <li>- Tái bản sách, biên dịch sách được quy đổi nhưng không vượt quá 1/3 tổng số giờ quy đổi cho ấn phẩm tương ứng được xuất bản mới.</li> </ul>	
<b>4</b>	<b>Sở hữu trí tuệ</b>	
4.1	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á...)	4500
4.2	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn Patent tại Việt Nam)	3000
4.3	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp...	1800

Stt	Phân loại ấn phẩm/sản phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi
4.4	Bản quyền phần mềm	1500
	<p><i>Ghi chú:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giai đoạn 1 - đơn đăng ký được chấp nhận hoặc được công nhận hợp lệ về hình thức và nội dung thì được tính 1/3 tổng số giờ làm việc quy đổi;</li> <li>- Giai đoạn 2 - văn bằng bảo hộ hoặc giấy chứng nhận quyền tác giả được cấp cho đối tượng đăng ký thì được tính 2/3 tổng số giờ làm việc quy đổi.</li> </ul>	

***Ghi chú:***

- Đối với các ấn phẩm/sản phẩm khoa học do tập thể biên soạn hay thực hiện, tác giả chính được xác định là chủ biên, chủ công trình, (các) tác giả thứ nhất (*First Author*), (các) tác giả liên hệ (*Corresponding Author*), tác giả cuối (*Last Author*).
- Ấn phẩm/sản phẩm khoa học có tác giả chính thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên sẽ được tính 100% định mức quy đổi. Ngược lại, số giờ quy đổi được tính theo công thức: số giờ quy đổi tối đa  $\times$  Tổng số tác giả thuộc Trường / tổng số tác giả của công trình.
- Tổng số tác giả thuộc Trường bao gồm tất cả tác giả của công trình là VC-NLĐ và người học thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM trong năm công bố.
- Cách chia số giờ quy đổi cho các tác giả tại Trường:
  - o Cách 1:
    - Các tác giả thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, tự đề xuất phương án để chia số giờ quy đổi của công trình cho từng tác giả thuộc Trường trên cơ sở đồng thuận, đảm bảo quyền lợi và phù hợp với đóng góp của các tác giả thuộc Trường trong công trình.
    - Việc cung cấp thông tin để Trường ghi nhận thông tin số giờ quy đổi của mỗi công trình phải do **người đại diện hợp lệ** cho nhóm tác giả tại Trường. Người đại diện cần là tác giả có vai trò là **First Author, Corresponding Author** hoặc **Last Author**.

- Cách 2 (tự động – mặc định):
  - Trong trường hợp ấn phẩm/sản phẩm khoa học chỉ gồm (các) tác giả chính thì 100% giờ làm việc quy đổi chia đều cho từng người (nếu có nhiều hơn 01 tác giả chính).
  - Tác giả chính được tính 1/3 giờ làm việc quy đổi (chia đều cho các tác giả chính). Số giờ làm việc quy đổi còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người (kể cả các tác giả chính). Trường hợp không thể xác định cụ thể thì tổng số giờ làm việc quy đổi còn lại được chia đều cho từng người tham gia (kể cả các tác giả chính).
- Ấn phẩm/sản phẩm khoa học là kết quả của đề tài, dự án, chương trình NCKH và được tính 2/3 giờ làm việc quy đổi (do đã được tính trong thời gian quy đổi của đề tài, dự án, chương trình NCKH - xem Bảng 2 của phụ lục).

## 2. Quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức ra giờ nghiên cứu khoa học

**Bảng 2: Quy đổi số giờ làm việc để thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức**

Stt	Phân loại hoạt động khoa học công nghệ	Số giờ làm việc quy đổi
1	<b>Đề tài, dự án, chương trình NCKH, đang triển khai (trong thời gian được phê duyệt)</b>	
1.1	Đề tài, dự án quốc tế (có thỏa thuận bằng văn bản: Nghị định thư, Thương thảo hợp tác quốc tế...) (quy đổi từ 2600 giờ trở lên, mỗi 1 tỷ đồng kinh phí tăng thêm 1.000 giờ quy đổi)	1600 + 1000 × kinh phí / 10 <sup>9</sup>
1.2	Cấp Nhà nước và tương đương, Nghị định thư, NAFOSTED (quy đổi từ 2500 giờ trở lên, mỗi 1 tỷ đồng kinh phí tăng thêm 1.000 giờ quy đổi)	1500 + 1000 × kinh phí / 10 <sup>9</sup>
1.3	Cấp ĐHQG-HCM loại A; Cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố có giá trị từ 1 tỷ đồng; Các Quỹ hay công ty tài trợ có giá trị từ 1 tỷ đồng. (quy đổi từ 2400 giờ trở lên, mỗi 1 tỷ đồng kinh phí tăng thêm 1.000 giờ quy đổi)	1400 + 1000 × kinh phí / 10 <sup>9</sup>
1.4	Cấp ĐHQG-HCM loại B; Cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố có giá trị từ 400 triệu đến dưới 1 tỷ đồng; Các Quỹ hay công ty tài trợ có giá trị từ 400 triệu đến dưới 1 tỷ đồng.	400 + 200 × kinh phí / 10 <sup>8</sup>

	<i>(quy đổi từ 1200 đến 2400 giờ, mỗi 100 triệu đồng kinh phí tăng thêm 200 giờ quy đổi)</i>	
1.5	Cấp ĐHQG-HCM loại C; Cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố có giá trị từ 100 triệu đến dưới 400 triệu đồng Đề tài Vườn ươm Tp.HCM; Các Quỹ hay công ty tài trợ có giá trị từ 100 triệu đến dưới 400 triệu đồng. <i>(quy đổi từ 600 đến 1200 giờ, mỗi 100 triệu đồng kinh phí tăng thêm 200 giờ quy đổi)</i>	$400 + 200 \times$ kinh phí / $10^8$
1.6	Cấp trường hoặc tương đương; Các Quỹ hay công ty tài trợ có giá trị dưới 100 triệu đồng.	600
<b>2</b>	<b><i>Hợp tác khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức</i></b>	
2.1	Theo giá trị tài trợ thu hút được từ dịch vụ khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức. <i>(trung bình mỗi 100 triệu đồng kinh phí tăng thêm 200 giờ quy đổi)</i>	$400 + 200 \times$ kinh phí / $10^8$
2.2	Triển khai các hoạt động hợp tác theo mô hình Trường - Viện - Doanh nghiệp với các đối tác trong và ngoài nước theo đặt hàng và các đơn vị có quyết định giao nhiệm vụ. <i>(trung bình mỗi 100 triệu đồng kinh phí tăng thêm 200 giờ quy đổi)</i>	$400 + 200 \times$ kinh phí / $10^8$

**Ghi chú:**

- Nếu sản phẩm khoa học là sản phẩm của đề tài, dự án, chương trình NCKH, do chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia đã được tính số giờ làm việc quy đổi cho nghiên cứu khoa học trong đề tài, dự án, chương trình NCKH đó (theo Bảng 2) nên sản phẩm/sản phẩm khoa học này chỉ được tính 2/3 giờ làm việc quy đổi (theo Bảng 1).
- Các sản phẩm vượt ra ngoài các sản phẩm đã đăng ký trong đề tài, dự án, chương trình NCKH, không được dùng thay thế sản phẩm khác còn thiếu trong đề tài, dự án, chương trình NCKH vẫn được tính đủ số giờ quy đổi (theo Bảng 1 của phụ lục), dù có ghi là kết quả sản phẩm của nhiệm vụ.
- Do đề tài, dự án, chương trình NCKH có thể triển khai qua nhiều năm nên việc số giờ làm việc quy đổi trong Bảng 2 sẽ được chia đều cho mỗi tháng thực hiện trong thời gian thực hiện chính thức.



- Chủ nhiệm đề tài, dự án, chương trình NCKH cung cấp cho Trường phương án để chia số giờ quy đổi của nhiệm vụ cho từng thành viên trên cơ sở đồng thuận, đảm bảo quyền lợi và phù hợp với đóng góp của các thành viên trong nhiệm vụ.
- Trường hợp đề tài, dự án, chương trình NCKH không được nghiệm thu hay nghiệm thu không thành công, khối lượng đã tính cho các thành viên tham gia đề tài, dự án, chương trình NCKH được xử lý theo quyết định của Hiệu trưởng tùy theo từng trường hợp cụ thể.

### 3. Quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ khác ra giờ nghiên cứu khoa học

**Bảng 3: Quy đổi số giờ làm việc để thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ khác**

TT	Hoạt động khoa học công nghệ	Số giờ làm việc quy đổi
1	Chương trình KHCN trọng điểm Cấp Nhà nước	
	a) Tham gia Ban chủ nhiệm chương trình:	
	- Chủ nhiệm	100/năm
	- Thành viên	50/năm
	b) Tham gia hội đồng đánh giá thuyết minh mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	30
	- Thư ký	30
	- Thành viên	20
	- Phản biện	40
	c) Tham gia hội đồng nghiệm thu mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	30
	- Thư ký	30
- Thành viên	20	
- Phản biện	40	
2	Chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học (thông qua ký kết và/hoặc giao nhiệm vụ của Trường ĐH KHTN hoặc DHQG-HCM)	
	Phía đối tác mời tham gia cố vấn, giảng dạy và nghiên cứu	100/năm
3	Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp DHQG-HCM	
	a) Tham gia hội đồng sơ tuyển các đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	15
	- Thư ký	15
	- Thành viên	10

	- Phản biện	20
	b) Tham gia hội đồng Ngành, Liên ngành – ĐHQG-HCM:	
	- Chủ tịch	60/năm
	- Thư ký	50/năm
	- Thành viên	40/năm
	c) Tham gia hội đồng đánh giá thuyết minh mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	20
	- Thư ký	20
	- Thành viên	15
	- Phản biện	25
	d) Tham gia hội đồng nghiệm thu mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	20
	- Thư ký	20
	- Thành viên	15
	- Phản biện	25
	Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Sở thuộc các Bộ, Thành phố và Tỉnh	
	a) Tham gia hội đồng chuyên môn:	
	- Chủ tịch	60/năm
	- Thành viên	40/năm
	b) Tham gia hội đồng đánh giá thuyết minh mỗi đề tài, dự án:	
4	- Chủ tịch	20
	- Thư ký	20
	- Thành viên	15
	- Phản biện	25
	c) Tham gia hội đồng nghiệm thu mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	20
	- Thư ký	20
	- Thành viên	15
	- Phản biện	25
	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trường	
5	a) Quản lý, vận hành Tạp chí thành viên Khoa học tự nhiên thuộc Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Quốc gia TP.HCM:	
	- Trưởng Ban Biên tập	100

	- Thư ký Ban Biên tập	80
	b) Tham gia hội đồng đánh giá thuyết minh mỗi đề tài, dự án:	
	- Chủ tịch	10
	- Thư ký	10
	- Thành viên	5
	- Phản biện	15
	c) Tham gia hội đồng nghiệm thu mỗi đề tài cấp Trường:	
	- Chủ tịch	10
	- Thư ký	10
	- Thành viên	5
	- Phản biện	15
	d) Tham gia đánh giá các đề cương nghiên cứu trên động vật thuộc nhiệm vụ của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu trên động vật:	
	- Chủ tịch	50
	- Thư ký	40
	- Thành viên	25
6	Đạt các giải thưởng khoa học công nghệ, các cuộc thi khoa học (challenge) có uy tín:	
	Giải thưởng khoa học công nghệ:	
	- Cấp quốc tế	300
	- Cấp quốc gia	200
	- Cấp Tỉnh, Thành phố, Đại học Quốc gia Tp. HCM	100
7	Trong Top 5 cuộc thi khoa học (challenge) có uy tín:	
	- Cấp quốc tế	150
	- Cấp quốc gia	100
	- Cấp Tỉnh, Thành phố, Đại học Quốc gia TP. HCM	50
8	Tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học:	
	Chủ tịch/đồng chủ tịch/trưởng ban tổ chức:	
	- Cấp quốc tế (trong và ngoài nước)	100
	- Cấp quốc gia	70
	- Cấp trường	40
9	Chủ trì (chair), báo cáo cáo chính (keynote speaker), trưởng ban nội dung (program committee chair):	
	- Cấp quốc tế (trong và ngoài nước)	50

	- Cấp quốc gia	30
	- Cấp trường	20
10	Thành viên ban tổ chức, ban thư ký, ban nội dung/chương trình (program committee):	
	- Cấp quốc tế (trong và ngoài nước)	40
	- Cấp quốc gia	25
	- Cấp trường	15
11	Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ:	
	- Ký kết một thỏa thuận trực tiếp với đối tác nước ngoài	50
	- Ký kết một thỏa thuận thông qua các tổ chức trong và ngoài nước	40
	- Ký kết một thỏa thuận thông qua các cơ quan quản lý các cấp	25
12	Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ:	
	- Bài viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ngoài nước	100
	- Bài viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong nước	50
	- Báo cáo chuyên đề seminar tại Bộ môn/Khoa/Trường	25
13	Hướng dẫn học sinh/sinh viên/học viên/NCS đạt thành tích cao trong các cuộc thi học thuật, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, Hội thi Olympic sinh viên:	
	- Cấp quốc tế	100
	- Cấp quốc gia	50
	- Cấp Tỉnh, Thành phố, Đại học Quốc gia Tp. HCM	35
	- Cấp Trường	25

**Lưu ý:**

- Trong trường hợp các sản phẩm và hoạt động khoa học công nghệ khác chưa được đề cập trong Phụ lục này (ví dụ như sách hướng dẫn, từ điển chuyên ngành, xây dựng các chương trình, dự án, quản lý phòng thí nghiệm trọng điểm, báo cáo nghiên cứu, tham vấn, tư vấn chính sách theo yêu cầu, đơn đặt hàng của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước được công bố, nghiên cứu chiến thuật, huấn luyện và tổ chức

thi đấu/giải đấu của ngành/quốc gia có thành tích và đạt giải thưởng...), việc đánh giá và quy đổi số giờ làm việc nghiên cứu khoa học sẽ do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất từ Phòng Khoa học – Công nghệ và Phòng Tổ chức – Hành chính.

- Khi triển khai áp dụng vào thực tế, định mức quy đổi số giờ làm việc nghiên cứu khoa học cho các sản phẩm và hoạt động khoa học công nghệ có thể được điều chỉnh theo các văn bản quy định bổ sung do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở thực tiễn cùng các đề xuất từ Phòng Khoa học – Công nghệ và Phòng Tổ chức – Hành chính.

